

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng**

Tên tiếng Anh: **Finance and Banking**

Mã ngành: **7340201**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Đồng Tháp, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo.....	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo	3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo.....	3
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo.....	4
3. Chuẩn đầu vào.....	4
4. Cấp bằng tốt nghiệp	4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Mục tiêu cụ thể	4
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Kiến thức.....	5
2.2. Kỹ năng	5
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT	6
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	7
2. Khung chương trình đào tạo.....	7
3. Mô tả học phần:.....	12
4. Sơ đồ đào tạo.....	45
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT.....	45
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy	45
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập.....	46
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	47
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	51
10. Thông tin cập nhật	51

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế-Luật (KTL) được thành lập theo Quyết định số 613/QĐ ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang (ĐHTG) (Tiền thân Khoa KTL là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 10 năm 2005)

Khoa Kinh tế - Luật có 06 bộ môn (BM): BM Kế toán, BM Tài chính, BM Quản trị kinh doanh, BM Kinh tế, BM Luật và BM Du lịch. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng của Khoa KTL được quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 11 của Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Tiền Giang như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch.
- Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc khối kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác.
- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế.
- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.
- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do Khoa đảm trách

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Tài chính - Ngân hàng**
- Tên ngành:
- + Tiếng Việt: **Tài chính - Ngân hàng**

+ Tiếng Anh: **Finance and Banking**

- Mã ngành: 7340201

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Cử nhân Tài chính - Ngân hàng**

+ Tiếng Anh: **Bachelor of Finance and Banking**

- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học An Giang;

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế - Luật Tp.HCM

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, tự nhiên, có kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng; có năng lực thực hành và trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn của ngành; có năng lực tự chủ, nghiên cứu và các kỹ năng mềm cần thiết để có thể thích nghi, hòa hợp tốt với công việc, xã hội.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tự nhiên để phục vụ cho học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

PO02: Kiến thức cơ sở về kinh tế, quản trị, kế toán và luật,... để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

PO03: Kiến thức chuyên sâu về ngành TCNH bao gồm nghiệp vụ ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, phân tích hoạt động kinh doanh, thẩm định tín dụng để phân tích, đánh giá về tài chính, hoạt động kinh doanh doanh nghiệp; thẩm định và thực hiện nghiệp vụ ngân hàng.

1.2. Kỹ năng

PO04: Kỹ năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; hiểu được ý nghĩa cuộc sống để hướng đến hạnh phúc, có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng, xã hội.

PO05: Có năng lực số, kỹ năng khám phá tri thức mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao; sáng tạo ra những cách làm mới.

PO06: Kỹ năng nghề nghiệp của một người làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

PO07: Kỹ năng mềm (suy luận và giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm,...) để làm việc và phát triển trong các môi trường làm việc khác nhau.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO08: Có năng lực tự học, tự chủ, làm việc nhóm, có khả năng khởi nghiệp.

PO09: Có sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

PO10: Có ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuẩn mực, đức tính trung thực, học tập và rèn luyện để nâng cao năng lực, phẩm chất cá nhân.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Có thể đảm nhận các công việc: giao dịch viên, kế toán viên (TCTD), chuyên viên tín dụng, chuyên viên quan hệ khách hàng, chuyên viên thanh toán quốc tế; chuyên viên tư vấn và đầu tư tài chính,...;

- Có thể làm việc tại các tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính - ngân hàng và các loại hình doanh nghiệp khác;

- Có khả năng tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh, thực hiện khởi nghiệp cho bản thân.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chuyển đổi số, khoa học chính trị và pháp luật.

K02: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành TCNH.

K03: Kiến thức chuyên sâu và mở rộng của ngành TCNH để phân tích, đánh giá về tài chính, hoạt động kinh doanh doanh nghiệp; thẩm định và thực hiện nghiệp vụ ngân hàng.

K04: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hóa và vận hành công việc chuyên môn của ngành.

2.2. Kỹ năng

S01: Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; đánh giá chất lượng công việc.

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định bởi Bộ GD&ĐT.

S03: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày/thuyết trình, kỹ năng đàm phán, bán hàng để thích nghi, hòa hợp và thực hiện mục tiêu nhiệm vụ giao dịch kinh doanh.

S04: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề nghiệp vụ chuyên môn của ngành TCNH trong phân tích, thẩm định và ra quyết định, thực hiện các nghiệp vụ; xây dựng và phát triển kế hoạch tài chính, tín dụng.

S05: Kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.

A02: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

A03: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x	x										
PO02		x		x								
PO03			x	x								
PO04					x							
PO05	x				x	x			x	x		
PO06					x			x	x			
PO07							x					
PO08									x	x		
PO09												x
PO10										x	x	

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **159**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **125**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36	4	40	32,0
2	Kiến thức cơ sở ngành	23	2	25	20,0
3	Kiến thức ngành	26	12	38	30,4
4	Kiến thức Bổ trợ	9	6	15	12,0
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	1	0	1	0,8
6	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	0	6	6	4,8
Tổng cộng		95	30	125	100

2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh						11	11		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật						8	6		
71012	Pháp luật đại cương	30	0				2	2	
69552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Tài chính-Ngân hàng	27	6				2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
15362	Kỹ năng giao tiếp	15	30				2	2	
11992	Kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp	15	30				2		
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024 ⁺
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường							13	11	
08133	Toán cao cấp C	30	30				3	3	
08733D	Xác suất - Thống kê A	30	30				3	3	08133 ⁺
30093	Kỹ năng số	15		60			3	3	
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
69032	Tài chính xanh	28	4				2		
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh*							8	8*	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							44	40	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							27	25	
66043	Kinh tế vi mô	42	6				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	42	6				3	3	66043 ⁺
69572	Pháp lý tài chính ngân hàng	27	6				2	2	
68063	Nguyên lý kế toán	42	6				3	3	
70013	Marketing căn bản	42	6				3	3	
67003	Quản trị học	42	6				3	3	
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08733D ⁺
69023	Nhập môn tài chính tiền tệ	45					3	3	
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	28	4				2	2	
66102	Kinh tế quốc tế	28	4				2		
2.2. Ngành							45	38	
69103	Tài chính doanh nghiệp 1	42	6				3	3	69023 ⁺
69123	Tài chính doanh nghiệp 2	42	6				3	3	69103 ⁺
68213	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	41	8				3	3	69023 ⁺
69132	Tài chính quốc tế	28	4				2	2	69023 ⁺
68023	Phân tích hoạt động kinh doanh	42	6				3	3	
69043	Thanh toán quốc tế	42	6				3	3	69023 ⁺
68112	Thị trường tài chính	28	4				2	2	69023 ⁺
69172	Thẩm định dự án đầu tư	27	6				2	2	
69323	Thẩm định tín dụng	41	8				3	3	68023 ⁺
69092	Toán tài chính	27	6				2	2	
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
69112	Thị trường chứng khoán	27	6				2	6	
69343	Quản trị rủi ro tài chính	42	6				3		67003 ⁺
69472	Định giá tài sản	27	6				2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
69672	Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng	27	6				2		
Chọn tự do 7 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
69272	Bảo hiểm	27	6				2	6	70013 ⁺
68052	Ngân hàng trung ương	27	6				2		
69282	Marketing ngân hàng	28	4				2		
69772	Tài chính vi mô	27	6				2		
69872	Công nghệ tài chính	27	6				2		
2.3. Chuyên sâu/Bổ trợ							28	15	
69253	Tài chính công	42	6				3	3	69023 ⁺
68323	Kế toán ngân hàng	42	6				3	3	68063 ⁺
69193	Quản trị ngân hàng thương mại	41	8				3	3	67003 ⁺
Chọn tự do 8 (tích lũy tối thiểu 3 TC)									
67343	Thương mại điện tử	30		30			3	3	67003 ⁺ 70013 ⁺
68122	Kế toán quản trị	28	4				2		68063 ⁺
68252	Kiểm toán 1	28	4				2		68063 ⁺
69372	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	27	6				2		08044 ⁺
Chọn tự do 9 (tích lũy tối thiểu 3 TC)									
68002	Thống kê doanh nghiệp	28	4				2	3	
67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh	27	6				2		
67393	Khởi nghiệp kinh doanh	42	6				3		67003 ⁺ 70013 ⁺
68413	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	42	6				3		68063 ⁺
2.4. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế, Khóa luận/Chuyên đề cuối khóa							15	7	
2.4.1. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế							1	1	
69671	Kiến tập thực tế				45		1	1	69123 ⁺ 68213 ⁺
2.4.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							14	6	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)							8	6	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
69364	Chuyên đề cuối khóa (Tài chính- Ngân hàng)				18 0		4	6	69123 ⁺ 69323 ⁺ 68213 ⁺
69352	Đầu tư tài chính	27	6				2		
69792	Tài chính cá nhân	27	6				2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)							6	6	
69396	Khóa luận cuối khóa (Tài chính- Ngân hàng)					360	6	6	69123 ⁺ 69323 ⁺ 68213 ⁺
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							115	85	
Số tín chỉ tổng cộng: 159 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 125 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện:

- Đối với các học phần điều kiện *General English 1, General English 2*: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức *Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh*: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ tích hợp thống thông tin TGUIIS đối với học phần *General English 2*, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học nghe, nhìn GV thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺

3. Mô tả học phần:

3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác-Lênin, người học có khả năng giải thích, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản của môn khoa học này: chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; giải thích và minh họa được vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Thực hiện được một số thao tác cụ thể như: phản biện, xác định và khái quát hóa vấn đề; tái hiện được những thông tin đã tiếp nhận và xử lý được các tình huống trong thuyết trình và giao tiếp đạt hiệu quả. Nhận biết được sự cần thiết thực hiện công việc một cách độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong những điều kiện thay đổi nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (01202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về kinh tế chính trị Mác-Lênin; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin và tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác-Lênin (01202)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, người học có thể trình bày, giải thích và lý giải được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, hình thành ở người học kỹ năng xác định, thực hiện và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống; củng cố niềm tin về chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần bảo vệ, xây dựng đất nước hiện nay.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (02212)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

[4] Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, 2005.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (03022)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có khả năng trình bày, giải thích, khái quát hoá và tóm tắt được kiến thức của môn học; có khả năng vận dụng kiến thức để nhận định, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; giữ vững lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995-2018.

3.6. Pháp luật đại cương (71012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Pháp luật đại cương, người học biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2022.

[2] Nguyễn Văn Động, Đinh Ngọc Thắng, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2020.

3.7. Phương pháp NCKH trong ngành Tài chính - Ngân hàng (69552)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Phương pháp NCKH trong ngành Tài chính - Ngân hàng, người học biết được các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính ngân hàng bao gồm: những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học; phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính ngân hàng; quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; đánh giá một công trình khoa học ngành tài chính ngân hàng; thực hành một số phần mềm phân tích dữ liệu thông dụng; tự định hướng và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Nam Khánh Giao (chủ biên), *Phương pháp Nghiên cứu Khoa học trong Kinh doanh- Cập nhật Smart PLS*, NXB Tài Chính, Hà Nội, 2019.

[2] Đinh Phi Hồ (chủ biên), *Nghiên cứu định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế*, NXB Tài Chính, 2020.

3.8. Kỹ năng giao tiếp (15362)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng giao tiếp, người học trình bày khái niệm kỹ năng giao tiếp, đặc điểm và phân loại kỹ năng giao tiếp. Vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với sinh viên đại học. Hướng dẫn người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản: Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp; Kỹ năng nói chuyện và trình bày báo cáo bằng miệng; Kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn; Kỹ năng tiến hành các hội nghị và các cuộc họp; Kỹ năng giao tiếp ở quy mô nhóm và tổ chức; Một số vấn đề trong giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau; Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam; Giao tiếp qua điện thoại.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Trọng Thủy, *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2019.

[2] Nguyễn Văn Hùng, *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2022.

[3] Trần Thanh Nguyên, *Tài liệu giảng dạy Kỹ năng giao tiếp*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Tiền Giang, 2022.

3.9. Kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp (11992)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp, người học biết được các nội dung như khái quát về kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp; những thông tin cốt lõi về đàm phán; những nguyên tắc cơ bản trong đàm phán; những đặc điểm của đàm phán hiệu quả; những yếu tố tác động đến đàm phán không hiệu quả; tiến trình đàm phán; các yếu tố của một cuộc họp hiệu quả; kỹ năng dẫn dắt cuộc họp và các buổi tiệc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thanh Nguyên, *Tài liệu giảng dạy Kỹ năng đàm phán và Tổ chức cuộc họp*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Tiền Giang, 2022.

[2] Thái Trí Dũng, *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2020.

3.10. English 1 (08024)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2 (08012)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 1, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến chủ đề về tính từ miêu tả đặc tính cá nhân, đồ dùng học tập, thức ăn, động lực; biết cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, trạng từ chỉ thói quen và các đại từ không xác định. Từ đó, người học vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến miêu tả tính cách, kỷ niệm, bài báo nói về nguồn gốc thức ăn, những người leo núi, nghe một nhà thám hiểm nói về kỷ niệm ở trường học và miêu tả tính cách, bài phỏng vấn chủ nhà hàng, bài nói về động lực và đồng thời rèn luyện kỹ năng viết miêu tả thông tin cá nhân, kể một câu chuyện, miêu tả công thức nấu ăn, viết trên diễn đàn trực tuyến.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning), 2022.

3.11. English 2 (08034)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: English 1 (08024)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 2, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến tính từ miêu tả, từ vựng về du lịch, môi trường, nghề nghiệp; hiểu cách dùng câu điều kiện, so sánh hơn, so sánh nhất, mệnh đề quan hệ, thì hiện tại hoàn thành, các động từ theo sau bởi động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing, cách dùng “used to” để diễn tả việc đã từng làm trong quá khứ. Từ đó, người học vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến bản tin trên Tivi, phương tiện đi làm, các phát minh quan trọng, công việc; nghe các nhà thám hiểm nói về một số nơi đáng nhớ và nói về công việc của họ, một chuyên gia nói về cuộc hành trình của loài chim, một đoạn hội thoại về môi trường. Người học cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông điệp, một email, một bản tin, một hồ sơ xin việc làm.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning), 2022.

3.12. English 3 (08044)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: English 2 (08034)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 3, người học có kiến thức về từ vựng có liên quan đến chủ đề về sức khỏe, căn bệnh, phim và TV, tính từ miêu tả cảm xúc, kỹ thuật; cách dùng câu điều kiện loại hai, phải “must, have to”, nên “should”, hiện tại hoàn thành, câu tường thuật, câu bị động, động từ khiếm khuyết. Từ đó, người học vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến cuộc sống mà không có sự đau đớn, hai câu chuyện kể dân gian, các loại phương tiện truyền thông xã hội và thử thách, nghệ thuật và công nghệ; nghe một nhà thám hiểm nói về sức khỏe, những việc anh ta làm để giải trí, làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, công nghệ; nói về cách diễn tả lời từ chối, lời yêu cầu. Người học cũng được rèn luyện kỹ năng viết viết nhật ký, bài bình luận, bài báo cáo.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning), 2022.

3.13. Toán cao cấp C (08133)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Toán cao cấp C, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về phép tính vi/tích phân hàm số một biến số, phép tính vi phân hàm số nhiều biến số, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 1-Đại số và hình học giải tích*, NXB Giáo dục, 2006.

[2] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 2 - Phép tính giải tích một biến số*, NXB Giáo dục, 2021.

[3] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 3 - Phép tính giải tích nhiều biến số*, NXB Giáo dục, 2023.

3.14. Xác suất thống kê A (08733D)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Toán cao cấp C (08133)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Xác suất thống kê A, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về: xác suất và công thức tính xác suất của một sự kiện; phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên; lấy mẫu và xử lý mẫu; ước lượng các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên; kiểm định giả thuyết thống kê; tương quan và hồi quy.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tống Đình Quỳ, *Giáo trình xác suất thống kê*, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2014.

[2] Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn, *Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Thống Kê, 2007.

[3] Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Đình Huy, *Xác suất - Thống kê và phân tích số liệu*, NXB ĐH Quốc Gia TPHCM, 2020.

3.15. Kỹ năng số (30093)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng số, người học có được kiến thức và kỹ năng để phát triển năng lực số đáp ứng Khung năng lực số cho người học được ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung chính của học phần Kỹ năng số bao gồm: 1) Khai thác dữ liệu và thông tin: trình bày và sử dụng thành thạo các công cụ số để tìm kiếm, xử lý và quản lý thông tin; 2) Giao tiếp và hợp tác hiệu quả

trong môi trường số: giao tiếp và hợp tác hiệu quả qua công nghệ số, tôn trọng sự khác biệt văn hóa và thể hệ, tích cực tham gia các dịch vụ công và xã hội số, đồng thời đảm bảo thông tin cá nhân an toàn, hành vi số phù hợp và xây dựng hình ảnh cá nhân tích cực trên môi trường mạng; 3) Sáng tạo nội dung số cơ bản: tạo và chỉnh sửa nội dung số, kết hợp thông tin mới vào tri thức sẵn có, trình bày được bản quyền số và biết cách đưa ra các hướng dẫn có thể hiểu được cho hệ thống máy tính; 4) An toàn: thực hiện các biện pháp bảo vệ thiết bị, dữ liệu và quyền riêng tư cá nhân, có nhận thức về an ninh mạng; 5) Giải quyết vấn đề trong môi trường số: nhận diện và giải quyết vấn đề trong môi trường số, sử dụng được các công cụ kỹ thuật số để đổi mới quy trình và sản phẩm, đồng thời cập nhật sự phát triển của công nghệ số; 6) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: mô tả các kiến thức cơ bản về AI, khả năng nhận diện và sử dụng, đánh giá các công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập, làm việc và đời sống số một cách hiệu quả và có đạo đức. Học phần kỹ năng số giúp người học có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bài giảng Kỹ năng số, *Nhóm biên soạn Kỹ năng số thuộc khoa Kỹ thuật Công nghệ*, Trường Đại học Tiền Giang, 2025.

[2] Đỗ Văn Hùng, *Năng lực số*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2022.

[3] Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Khung năng lực số cho người học.

[4] Quyết định 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người học trong các cơ sở giáo dục đại học.

3.16. Con người và môi trường (11902)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Con người và môi trường, người học biết được các kiến thức cơ bản các vấn đề về môi trường đương đại toàn cầu, những nguyên lý cơ bản của sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường; Xác định được nguyên nhân và hậu quả của: sự phát triển dân số, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người, sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu; Mối tương quan giữa tác động của con người đối với những vấn đề môi trường hiện nay; Cần có sự thay đổi về khoa học và công nghệ để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong tương lai; Phân tích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ôzôn, mưa axit; các vấn đề môi trường ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay; Tích hợp giữa kiến thức cơ bản về môi trường với thực tế và tư duy; Có kỹ năng thành lập nhóm và thuyết trình.

- Tài liệu tham khảo chính:

Khoa Nông nghiệp và Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Tiền Giang,
Tập bài giảng Con người và môi trường, 2022.

3.17. Tài chính xanh (69032)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính xanh, người học hiểu được tài chính xanh là gì, vai trò, nội dung, hình thức và cơ sở pháp lý cho sự phát triển tài chính xanh tại Việt Nam; hình thành nhận thức và thái độ tích cực về mối quan hệ tác động giữa môi trường với phát triển bền vững; vận dụng kiến thức vào học tập và làm việc chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Chính phủ, *Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*, HN, 2021.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3.18. Thể dục và điền kinh (12371)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thể dục Điền kinh, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra người học còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Anh Tuấn, *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2018.

3.19. Bóng chuyền 1 (12391)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TĐTT Hà Nội, 2019.

3.20. Cầu lông 1 (12401)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

3.21. Đá cầu 1 (12271)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; người học được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.

3.22. Bóng rổ 1 (12411)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TDTT, Hà Nội, 2020.

3.23. Bóng chuyền 2 (12441)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Bóng chuyền 1 (12391)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 2, người học hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyền làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2019.

3.24. Cầu lông 2 (12481)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1 (12401)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2019.

3.25. Đá cầu 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Đá cầu 1 (12271)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021

3.26. Bóng rổ 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (12411)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 2, người học hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao;

những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; người học rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2020.

3.27. Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

a) Giáo dục quốc phòng I (12813)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng I, người học được trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; thực hiện tốt đường lối, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

b) Giáo dục quốc phòng II (12922)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mô tả học phần

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng II, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay như Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; vấn đề an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

c) Giáo dục quốc phòng III (12931)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng III, người học thực hiện được chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại trong quân đội; thực hiện được Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

d) Giáo dục quốc phòng IV (12942)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 60, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng IV, người học có được kiến thức chung về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

3.28. Kinh tế vi mô (66043)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế vi mô, người học biết kiến thức về hành vi, cách ứng xử của từng tác nhân như các hộ gia đình, người tiêu dùng, các doanh nghiệp trong các loại thị trường nhằm đạt lợi ích cao nhất khi sản xuất, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ; qui luật cung - cầu của thị trường; các dạng thị trường và sự hình thành của giá cả; điều kiện để doanh nghiệp tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận trong từng loại thị trường từ đó có thể tối đa hoá được lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng loại thị trường của nền kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, *Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM, 2024.

[2] Gregory Mankiw, *Kinh tế học vi mô (Principles of Microeconomics)*, NXB Hồng Đức, 2023.

3.29. Kinh tế vĩ mô (66063)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô (66043)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế vĩ mô, người học biết được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua lý thuyết và mô hình kinh tế, đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô như sản lượng, việc làm, giá cả, lạm phát, thất nghiệp, ... Từ đó giúp người học có nền tảng vững chắc cho phân tích các chính sách kinh tế và tác động của nó đến nền kinh tế cũng như doanh nghiệp; thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, *Kinh tế vĩ mô*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

[2] Gregory Mankiw, *Kinh tế học vĩ mô (Principles of Macroeconomics)*, NXB Hồng Đức, 2023.

3.30. Pháp lý tài chính ngân hàng (69572)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Luật thương mại (71073)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Pháp lý tài chính ngân hàng, người học biết được những kiến thức pháp lý hiện hành liên quan hoạt động ngành Tài chính- Ngân hàng như Luật các TCTD, Luật NH, Luật DN và các văn bản dưới luật; cách thức tra cứu các văn bản pháp lý và áp dụng vào việc xử lý nghiệp vụ; vận dụng kiến thức trên vào giải quyết các vấn đề chuyên môn trong phân tích, thẩm định, ra quyết định và thực hiện các nghiệp vụ; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc; có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Võ Đình Toàn, *Luật Tài chính và Luật Ngân hàng*, NXB Công an nhân dân, 2021.

[2] Quốc hội, *Luật ngân hàng nhà nước VN*, 2022.

[3] Quốc hội, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng*, 2017.

3.31. Nguyên lý kế toán (68063)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nguyên lý kế toán, người học biết được các nội dung cơ bản về kế toán; lập báo cáo kế toán; sử dụng tài khoản kế toán; ghi sổ kép; tính giá các đối tượng kế toán và lập chứng từ kế toán; kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu; kiểm kê; các hình thức sổ kế toán, tổ chức công tác và kiểm tra kế toán; áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Võ Thị Vân Na và nhóm tác giả, *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Trí Thức, 2024.

[2] Khoa kế toán- Bộ môn kế toán, *Nguyên lý kế toán (biên dịch theo Financial Accounting)*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.

3.32. Marketing căn bản (70013)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Marketing căn bản, người học hiểu được khái niệm, mục tiêu và vai trò của marketing; hiểu và phân loại được môi trường marketing; hiểu được hành vi khách hàng; hiểu được phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm; hiểu được chiến lược Marketing Mix; có khả năng phân tích môi trường marketing của một doanh nghiệp; có khả năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng; có khả năng phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm cho một sản phẩm; xây dựng chiến lược marketing mix; tư duy và giải quyết các tình huống marketing liên quan đến các doanh nghiệp; nghiêm túc, chủ động vận dụng kiến thức của học phần trong việc đánh giá hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hoàng Thị Phương Thảo (Chủ biên), *Marketing căn bản*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2024.

[2] Vũ Huy Thông, Phạm Thị Huyền, *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2025.

3.33. Quản trị học (67003)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Quản trị học, người học thông hiểu những khái niệm chung về quản trị, nhiệm vụ của nhà quản trị và các chức năng chính về quản trị như: hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát các hoạt động đã đề ra nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức; phân tích, phát hiện, đưa ra quyết định và giải quyết những vấn đề cơ bản liên quan đến các chức năng quản trị; có khả năng làm việc với người khác thông qua việc chia sẻ kiến thức về quản trị đại cương; khách quan trong việc ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ quản trị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh, *Quản trị học*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Trịnh Thùy Anh, Bùi Thị Quỳnh Ngọc, Lê Khoa Nguyên, *Quản trị học*, NXB Thông tin và Truyền thông, 2022.

3.34. Kinh tế lượng (66093)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Xác suất thống kê (08733D)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế lượng, người học biết được những kiến thức cơ bản về ước lượng, phân tích mô hình, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế, sử dụng biến giả, một số khuyết tật của mô hình hồi qui đơn giản; vận dụng kiến thức đã học để tính toán một số mô hình đơn giản, thiết lập được mô hình phù hợp với thực tế; sử dụng mô hình để phân tích, dự báo và hoạch định chính sách (nếu có); hình thành thái độ tự học, khách quan trong việc tính toán, ước lượng hay đánh giá các giả thuyết khoa học.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Duy Phú, *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB GD VN, 2020.

[2] Hoàng Ngọc Nhậm, *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB LĐ-XH, 2019.

3.35. Nhập môn tài chính tiền tệ (69023)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nhập môn tài chính tiền tệ, người học biết được các kiến thức cơ bản về tài chính - tiền tệ và hệ thống tài chính - tiền tệ, tín dụng và ngân hàng, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, lạm phát, chính sách tiền tệ, thị trường tài chính, ... ; có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống về lĩnh vực tài chính - tiền tệ; vận dụng các kiến thức trên vào nghiên cứu, tiếp cận chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Thị Việt Đức (chủ biên), *Giáo trình tài chính tiền tệ*, NXB thông tin và truyền thông, 2022.

[3] Frederic S. Mishkin, *Sách Kinh Tế Học Về Tiền, Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính*, NXB Tài Chính, 2021.

3.36. Nguyên lý thống kê kinh tế (68782)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nguyên lý thống kê kinh tế, người học biết được những vấn đề sau: tổng hợp thống kê, các chỉ tiêu phản ánh mức độ của

hiện tượng kinh tế - xã hội, phương pháp phân tích dãy số thời gian và kiểm định thống kê trong kinh tế; tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, tỉ mỉ; thực hiện công việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. Từ đó giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hoàng Khắc Lịch (CB), *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB ĐH QG HN, 2020.

[2] Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Dung, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Lao động, 2020.

3.37. Kinh tế quốc tế (66102)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế quốc tế, người học sẽ biết những nội dung về vấn đề kinh tế quốc tế; phân tích được những đặc điểm cơ bản và tình hình thuận lợi, khó khăn khi Việt Nam tham gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới; hiểu và tính toán được tỷ giá hối đoái; vận dụng kiến thức đã học về kinh tế quốc tế, giúp doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, có xu hướng phù hợp với kinh tế khu vực và quốc tế, để đáp ứng tốt yêu cầu của đất nước đặt ra; có khả năng đánh giá hoạt động kinh tế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; nghiêm túc, tích cực học tập và ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đỗ Đức Bình & Ngô Thị Tuyết Mai, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019.

[2] Hoàng Thị Chinh, *Kinh tế quốc tế*, NXB Thống kê, 2020.

3.38. Tài chính doanh nghiệp 1 (69013)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nhập môn tài chính tiền tệ (69023)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính doanh nghiệp 1, người học biết được những nội dung về quản lý tài chính trong doanh nghiệp như thời giá tiền tệ, định giá chứng khoán, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp, chi phí sử dụng vốn; xác định, phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện giải quyết các vấn đề nghiệp vụ chuyên môn của ngành trong phân tích, thẩm định và ra quyết định tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, 2020.

[2] Nguyễn Kim Thoa, Nguyễn Anh Tuấn, *Tài liệu giảng dạy Tài chính doanh nghiệp 1*, Trường Đại học Tiền Giang, 2025.

[3] Stephen Ross, *Tài Chính Doanh Nghiệp - Corporate Finance*, Nhà xuất bản Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2019.

3.39. Tài chính doanh nghiệp 2 (69123)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 (69013)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính doanh nghiệp 2, người học biết được những kiến thức và công cụ phân tích tài chính giúp ra các quyết định liên quan đến quản lý nguồn vốn, chính sách phân phối lợi nhuận của công ty, quản lý rủi ro tài chính nhằm góp phần làm gia tăng giá trị và lợi nhuận cho cổ đông; kiến thức về đánh giá hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở nghiên cứu rủi ro, điểm hòa vốn, đòn cân định phí, đòn cân nợ và phân tích các báo cáo tài chính; vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện giải quyết các vấn đề nghiệp vụ chuyên môn trong phân tích, thẩm định và ra quyết định tài chính, tín dụng; tự định hướng nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp 2*, NXB Tài chính, 2021.

[2] Ngô Kim Phượng, Lê Hoàng Vinh, *Phân tích tài chính doanh nghiệp* (Tái bản lần thứ 5), NXB Tài chính, 2021.

[3] Vũ Việt Quang (biên dịch), *Tài chính doanh nghiệp - Corporate Finance (Stephen Ross)*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2019.

[4] Stephen Ross, *Tài Chính Doanh Nghiệp - Corporate Finance*, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2019.

3.40. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (68123)

- Số tín chỉ: 3 TC (41, 8, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nhập môn tài chính tiền tệ (69023)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, người học biết được những nội dung cơ bản về ngân hàng thương mại: tổng quan về ngân hàng thương mại, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ cấp tín dụng và nghiệp vụ chiết khấu của ngân hàng thương mại; xác định vấn đề, phân tích được các thông tin, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; vận dụng kiến thức và kỹ năng

để thực hiện các nghiệp vụ cơ bản; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phạm Thu Hạnh (Chủ biên), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2024.

[2] Nguyễn Quốc Khánh (Chủ biên), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Quốc gia, TP.HCM, 2023.

[3] Christopher Gan, *Commercial Banking*, MDPI - Multidisciplinary Digital Publishing Institute, 2021.

3.41. Tài chính quốc tế (69132)

- Số tín chỉ: 3 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nhập môn tài chính tiền tệ (69023)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính quốc tế, người học biết được những nội dung cơ bản về tài chính quốc tế như vai trò, chức năng và hoạt động của các thị trường tài chính quốc tế, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng thời điểm nhất định, các giai đoạn của chu kỳ kinh tế và sự ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế Việt Nam; vận dụng kiến thức trên để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn trong phân tích, thẩm định về tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Tiên (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2023.

[2] Keith Pilbeam, *International Finance*, Bloomsbury Academic, 2023.

3.42. Phân tích hoạt động kinh doanh (68023)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, người học biết được những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích tình hình sản xuất của doanh nghiệp; vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện thu thập, xử lý thông tin, phân tích kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp trong giai đoạn cụ thể; xác định, phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc; tự định hướng nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Thị Mỹ Dung, *TLGD Phân tích hoạt động kinh doanh*, ĐHTG, 2025.

[2] Lê Thị Xuân, *Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động, 2023.

[3] Leonida Meizler, *Business Analyst*, NXB Independently Published, 2021.

3.43. Thanh toán quốc tế (69043)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nhập môn tài chính tiền tệ (69023)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thanh toán quốc tế, người học biết được các nội dung về đặc điểm và các điều kiện trong thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái, các giao dịch hối đoái, các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế; vận dụng kiến thức trên để thực hiện nghiệp vụ chuyên môn liên quan về hoạt động thanh toán quốc tế; xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Văn Hội, *Giáo trình Thanh toán quốc tế*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2022.

[2] Đặng Thị Mỹ Dung, Nguyễn Anh Tuấn, *TLGD Thanh toán quốc tế*, ĐHTG, 2025.

[3] Sang Man Kim, *Payment Methods and Finance for International Trade*, NXB Springer, 2021.

3.44. Thị trường tài chính (68112)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nhập môn tài chính tiền tệ (69023)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thị trường tài chính, người học biết được những nội dung về thị trường tài chính: thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường ngoại hối và thị trường phái sinh; vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện thu thập, xử lý thông tin, phân tích mối liên hệ giữa các loại thị trường trong tổng thể thị trường tài chính và với các thị trường khác của nền kinh tế; thể hiện tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Thị Mỹ Dung (chủ biên), *Thị trường tài chính*, NXB Đà Nẵng, 2025.

[2] Nguyễn Văn Ngọc, *Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021.

[3] Nguyễn Văn Tiến, *Thị trường tài chính và Quản trị rủi ro tài chính*, NXB Hồng Đức, 2019.

3.45. Thẩm định dự án đầu tư (69172)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thẩm định dự án đầu tư, người học biết được

những nội dung về các yếu tố cấu thành của một dự án, quy trình thực hiện phân tích một dự án đầu tư, phân tích và thẩm định tài chính của dự án, cách xây dựng ngân lưu của dự án, cách sử dụng phần mềm excel để lập các phân tích, thẩm định hiệu quả tài chính một dự án; phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; xác định vấn đề, tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc; vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện đánh giá hiệu quả dự án nhằm hỗ trợ việc phân tích, ra quyết định tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đỗ Phú Trần Tình (chủ biên), *Giáo trình lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB tài chính, TP. HCM, 2024

[2] Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[3] Quốc hội (2020), Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

3.46. Thẩm định tín dụng (69323)

- Số tín chỉ: 2 TC (41, 8, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Phân tích hoạt động kinh doanh (68023)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thẩm định tín dụng, người học biết được những nội dung về vai trò của thẩm định tín dụng đối với các hoạt động, năng lực cạnh tranh và sự tồn tại của một ngân hàng thương mại và cả nền kinh tế, nội dung và quy trình tín dụng ngân hàng, cơ cấu quản lý, thẩm quyền phê duyệt tín dụng ngân hàng; tín dụng xanh; phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; vận dụng kiến thức và kỹ năng phục vụ việc phân tích, thẩm định và ra quyết định tín dụng thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể; tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Vũ Thu Phương, *Thẩm định tín dụng - quy định về quản lý rủi ro và chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, ngân hàng*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Vũ Thu Phương, *Những quy định mới về vay và cho vay - thẩm định tín dụng, xử lý nợ xấu trong lĩnh vực ngân hàng*, NXB Tài chính, 2020.

[3] Ngân hàng Nhà nước, *Quyết định số 1604/QĐ-NHNN “Phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam”*, 2018.

3.47. Toán tài chính (69092)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Toán tài chính, người học biết được những nội dung cơ bản về khái niệm căn bản, những kỹ năng cần thiết cũng như các bài tập ứng dụng cần thiết về cách tính lãi đơn, lãi gộp cho khoản tiền, chuỗi tiền tệ, giá trị của dòng tiền, chiết khấu thương phiếu, vay vốn, ... khi thực hiện đầu tư; vận dụng kiến thức trên để tiếp cận các kiến thức chuyên ngành, hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn; thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Tấn Bình, *Toán tài chính ứng dụng*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Wai-Sum Chan and Yiu-kuen Tse, *Financial Mathematics For Actuaries* (Third Edition), World Scientific, 2021.

3.48. Thị trường chứng khoán (69112)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thị trường chứng khoán, người học biết được những nội dung về thị trường tài chính, chứng khoán và cách định giá các chứng khoán, cơ chế hoạt động của sở giao dịch, các nghiệp vụ chủ yếu của công ty chứng khoán; vận dụng kiến thức trên để hỗ trợ, giải quyết các vấn đề liên quan về quản lý tài chính, phân tích tài chính; có tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thanh Phương, *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, NXB Tân Việt, 2020.

[2] Nguyễn Thị Minh Huệ, *Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2019.

[3] Matthew R.Kratter, *A Beginner's Guide to the Stock Market*, Independently published, 2019.

3.49. Quản trị rủi ro tài chính (69343)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Quản trị rủi ro tài chính, người học biết được những nội dung về rủi ro và hoạt động quản trị rủi ro tài chính, hoạt động trên thị trường công cụ phái sinh như Forward, Future, Options, Swap và các chiến lược quản trị rủi ro tài chính như quản trị rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro tỷ giá và quản trị rủi ro lãi suất của doanh nghiệp và ngân hàng thương mại; phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm; vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện phân tích và đề xuất giải pháp quản trị rủi ro tài chính tại doanh nghiệp và ngân hàng thương mại Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Tiến, *Quản trị rủi ro tài chính*, NXB Tài chính, 2024.

[2] John C.Hull, *Options, Futures and Other Derivatives*, Pearson, 2018.

3.50. Định giá tài sản (69472)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Định giá tài sản, người học biết được kiến thức về nguyên tắc và phương pháp thẩm định tài sản như bất động sản, máy móc thiết bị và giá trị doanh nghiệp; phân tích thông tin, xem xét vấn đề cẩn thận, tổng thể; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm; vận dụng kiến thức và kỹ năng thực hiện thẩm định và ra quyết định tài chính, tin dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thanh Nhã (chủ biên), *Giáo trình nguyên lý thẩm định giá*, NXB Tài chính - Marketing, 2020.

[2] Nguyễn Huỳnh Hoa, *Thẩm định bất động sản*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

3.51. Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng (69672)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước:

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng, người học biết được kiến thức về hoạt động doanh nghiệp và ngân hàng thương mại, ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, phân tích các số liệu và thông tin trong tài chính ngân hàng; vận dụng kiến thức vào thực hành nghề nghiệp, giải quyết các vấn đề nghiệp vụ trong phân tích, thẩm định tài chính, tín dụng; có tinh thần trách nhiệm, cẩn thận.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Thu Hà, *Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định*, NXB ĐHKQTĐ, 2020.

[2] Trần Thị Song Minh, *Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý*, NXB ĐHKQTĐ, 2023.

3.52. Bảo hiểm (69272)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bảo hiểm, người học biết được kiến thức về các khía cạnh của bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm và nội dung của hợp đồng bảo hiểm, phương pháp chuyển giao rủi ro hữu dụng cho nhu cầu ổn định cuộc sống con người và phát triển bền vững của các tổ chức, doanh nghiệp; Nhận biết

và phân tích được những điểm lợi - bất lợi của sản phẩm BH (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại và bảo hiểm con người); Vận dụng kiến thức trên hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phạm Văn Định, Nguyễn Thị Hải Đường, *Giáo trình Bảo hiểm thương mại*, NXB ĐH KT Quốc Dân, 2020.

[2] Nguyễn Văn Định, *Giáo trình Quản trị kinh doanh Bảo hiểm*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân. 2020.

[3] Nguyễn Thị Chính, Tô Thị Thiên Hương, *Giáo trình Bảo hiểm xã hội*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2023.

3.53. Ngân hàng trung ương (68052)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Ngân hàng trung ương, người học biết được kiến thức về lịch sử hình thành phát triển của ngân hàng trung ương, vai trò, chức năng, mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của Ngân hàng trung ương; vận dụng kiến thức trên vào xử lý và phân tích các vấn đề về chính sách tiền tệ quản lý kinh tế vĩ mô, tín dụng, thanh toán quốc tế và các nghiệp vụ của ngân hàng; phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đoàn Phương Thảo, *Ngân hàng Trung ương*, Nhà xuất bản ĐHKQTĐ HN, năm 2019.

[2] Nguyễn Thái Hà (chủ biên), *Giáo trình Luật ngân hàng Việt Nam*, NXB Lao động, 2022.

[3] Hoàng Thị Thu, *Nghiệp vụ ngân hàng trung ương*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2023

3.54. Marketing ngân hàng (69282)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Marketing căn bản (70013)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Marketing ngân hàng, người học biết được các vấn đề cơ bản của marketing ngân hàng như tổng quan về marketing ngân hàng, khách hàng của ngân hàng, môi trường kinh doanh của ngân hàng và lựa chọn thị trường mục tiêu; phát triển, định giá, phân phối, quảng bá và phát triển thương hiệu các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; vận dụng các kiến thức trên vào quản lý, điều hành về hoạt động quảng cáo, marketing của ngân hàng; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phạm Thu Thủy, *Giáo trình Marketing dịch vụ tài chính - ngân hàng*, NXB Lao động Hà Nội, 2024.

[2] Đỗ Hoài Linh, Lê Thanh Tâm, *Marketing dịch vụ tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022.

3.55. Tài chính vi mô (69772)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính vi mô, người học biết được những kiến thức về tài chính vi mô như: khái niệm, mô hình tổ chức, sản phẩm, quy định quản trị, nguồn vốn, đầu tư và tác động của tài chính vi mô; xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm; vận dụng các kiến thức trên vào thực hành nghề nghiệp về thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, xây dựng và phát triển kế hoạch tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Văn Dương, *Tài chính vi mô - phát triển, hiệu quả và bền vững*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.

[2] Hà Văn Dương, *Tài chính vi mô - hoạt động và mô hình định lượng*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.

[3] Hà Văn Dương, *Tài chính vi mô - chỉ số đánh giá và quan hệ tương tác*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.

3.56. Công nghệ tài chính (69872)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Công nghệ tài chính, người học biết được những kiến thức cơ bản về công nghệ tài chính (Fintech): tác động của công nghệ đối với hoạt động tài chính ngân hàng truyền thống, Fintech trong lĩnh vực thanh toán và tiền gửi, hoạt động vay và cho vay (cho vay kỹ thuật số), cách thức cải tiến hoạt động của các Ngân hàng thương mại truyền thống; vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực hành nghề nghiệp, giải quyết các vấn đề nghiệp vụ ngân hàng;

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Khắc Quốc Bảo, Trần Hoài Nam, Lê Đạt Chí (biên dịch), *THE FINTECH BOOK - Công nghệ đầu tư tài chính dành cho nhà đầu tư, doanh nhân và người nhìn xa trông rộng* (Susanne Chishti và Janos Barberis), NXB Thông tin và truyền thông, 2019.

[2] Nguyễn Đức Dũng, *Chuyển đổi số Fintech*, NXB thế giới, 2020.

[3] Susanne Chishti và Janos Barberis, *The FINTECH Book: The Financial*

Technology Handbook for Investors, Entrepreneurs and Visionaries, Wiley publisher, 2019.

[4] Nguyễn Thị Hoài Lê, *Fintech và Ảnh hưởng của Fintech đến các định chế tài chính ở Việt Nam*, NXB KHXH, 2020.

3.57. Tài chính công (69253)

- Số tín chỉ: 2 TC (42, 6, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nhập môn tài chính tiền tệ (69023)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính công, người học biết được nội dung về tài chính công như khu vực công, lý thuyết về hiệu quả và công bằng, hàng hóa công và chi tiêu công, thuế và vấn đề hiệu quả, các loại thuế và ngân sách nhà nước; vận dụng kiến thức trên hỗ trợ giải quyết các vấn đề nghiệp vụ chuyên môn trong phân tích và ra quyết định tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Hiệu, Trần Thị Vân Anh, *Giáo trình Tài Chính Công*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2020.

[2] Lâm Thái Bảo Ngọc (chủ biên), *Quản lý đầu tư công cấp tỉnh - Bài học điển hình từ Đồng Bằng Sông Cửu Long*, NXB Tri Thức, 2025.

[3] Lê Quang Cường và Nguyễn Kim Quyên, *Giáo trình Thuế*, NXB Kinh tế TP. HCM, TP. HCM, 2023.

3.58. Kế toán ngân hàng (68323)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán ngân hàng, người học biết được những kiến thức về kế toán nghiệp vụ huy động vốn, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế; vận dụng các kiến thức trên để thực hiện nghiệp vụ ngân hàng; có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trương Thị Hồng, *Lý thuyết - bài tập - câu hỏi trắc nghiệm kế toán ngân hàng*, NXB kinh tế TP. HCM, TP. HCM, 2023.

[2] Lâm Chí Dũng, *Giáo trình kế toán ngân hàng*, NXB tài chính, 2021.

[3] E. Virgil Neal, *Modern Banking and Bank Accounting*, Creative Media Partners, LLC, 2022.

3.59. Quản trị ngân hàng thương mại (69193)

- Số tín chỉ: 3 TC (41, 8, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Quản trị ngân hàng thương mại, người học biết được các nội dung về hoạt động kinh doanh và quản trị của ngân hàng thương mại, cách quản lý vốn, tài sản (phương pháp tính hệ số an toàn đảm bảo vốn tự có, phương pháp tính chí phí vốn cho nguồn tiền gửi và phí tiền gửi, phương pháp tăng vốn tự có, quản trị tài sản nợ và quản trị tài sản có của ngân hàng thương mại), cách tính thu nhập, chi phí và lợi nhuận, phương pháp quản trị về rủi ro, sử dụng các chỉ số tài chính để đánh giá hoạt động và đo lường rủi ro của ngân hàng thương mại; phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; vận dụng được kiến thức trên hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản trị ngân hàng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Tiến, *Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại*, Học viện ngân hàng, NXB Tài chính, 2025.

[2] Đỗ Thị Kim Hào, *Giáo trình Quản trị ngân hàng*, Học viện ngân hàng, NXB Lao động, 2024.

[3] Peter S. Rose, Sylvia C. Hudgins, *Bank Management and Financial Services*, McGraw-Hill Education, 2023.

3.60. Thương mại điện tử (67343)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003), Marketing căn bản (70013).

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thương mại điện tử, người học hiểu các kiến thức tổng quan về thương mại điện tử; phân biệt được các mô hình kinh doanh trực tuyến điển hình; hiểu được thị trường trực tuyến, hành vi khách hàng trực tuyến và các giải pháp marketing trực tuyến; hiểu và sử dụng hợp lý các phương tiện, phương thức thanh toán trực tuyến; tóm tắt quy trình xây dựng dự án thương mại điện tử, lựa chọn phương án và triển khai dự án thương mại điện tử. Người học phát triển kỹ năng thực hành liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử: thiết lập, sử dụng và quản lý tài khoản thanh toán trực tuyến, cửa hàng kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử, tài khoản quảng cáo trực tuyến, nghiên cứu thị trường trực tuyến; hình thành kỹ năng thiết kế, xây dựng và quản lý trang web kinh doanh trực tuyến; phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm qua các dự án kinh doanh trực tuyến thực tế hoặc mô phỏng. Bên cạnh đó, người học có tinh thần làm việc nghiêm túc, tuân thủ các quy tắc an ninh, an toàn mạng khi tham gia kinh doanh trực tuyến; chủ động, sáng tạo thực hiện dự án khởi nghiệp kinh doanh trong môi trường phát triển công nghệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Việt Khôi, *Giáo trình thương mại điện tử từ lý thuyết đến ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

[2] Nguyễn Văn Hồng (Chủ biên), *Giáo trình Thương mại điện tử căn bản*, NXB Hồng Đức, 2021.

3.61. Kế toán quản trị (68122)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán quản trị, người học biết được những kiến thức về kế toán quản trị như chi phí và phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (C-V-P), lập dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí, đánh giá trách nhiệm quản lý, định giá bán sản phẩm, thông tin thích hợp cho việc ra quyết định; vận dụng kiến thức trên để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn về phân tích, thẩm định, quản trị tài chính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Huỳnh Lợi (chủ biên), *Kế Toán Quản Trị*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

[2] Huỳnh Lợi, Lê Hoàng Oanh, *Kế toán quản trị 2*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

3.62. Kiểm toán 1 (68252)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kiểm toán 1, người học biết được những nội dung cơ bản về các kiến thức mang tính nguyên lý của hoạt động kiểm toán, với trọng tâm là kiểm toán độc lập, hoạt động kiểm toán và môi trường kiểm toán, các khái niệm và phương pháp áp dụng trong các bước của quy trình kiểm toán BCTC; đề xuất giải pháp; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam; tự kiểm soát, tự kỷ luật bản thân; phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể; có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Giáo trình kiểm toán*, NXB Lao động, TP. HCM, 2021.

[2] Trần Thị Giang Tân (chủ biên), *Bài tập kiểm toán*, NXB Lao động, TP. HCM, 2021.

[3] Iain Gray, Louise Crawford, Stuart Manson, *The Audit Process: principles, practice and case*, NXB Cengage Learning EMEA; 7th edition, 2019.

3.63. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng (69372)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: English 3 (08044)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng, người học biết được các thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành tài chính ngân hàng nhằm tăng năng lực ngoại ngữ trong nghiên cứu, làm việc chuyên môn; đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ; tự định hướng, tự học và nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Phong Châu, Đỗ Hoài Linh; *English for Banking and Finance*; NXB ĐHKQTĐ, năm 2020.

[2] Rosemary Richey, *English for Banking and Finance 1,2*, Pearson Education Limited.

3.64. Thống kê doanh nghiệp (68002)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế (68782)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thống kê doanh nghiệp, người học biết được các kiến thức: thống kê kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực huy động vào sản xuất kinh doanh; phương pháp tính toán và phân tích thống kê đánh giá kết quả, hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đánh giá sự biến động về giá thành sản phẩm. Các kiến thức này giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Võ Thị Phương Nhung, Nguyễn Thị Mai Hương, Võ Thị Hải Hiền, Phạm Thị Trà My, *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Nguyễn Công Nhựt, *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB ĐHKQTĐ, 2020

3.65. Tâm lý quản lý trong kinh doanh (67042)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tâm lý quản lý trong kinh doanh, người học hiểu được kiến thức cơ bản về tâm lý quản lý trong kinh doanh; biết được các hiện tượng tâm lý và biết cách đánh giá và sử dụng hiệu quả nguồn lực con người; hiểu phương pháp phân tích phong cách lãnh đạo. Người học xác định được các vấn đề đang diễn ra trong tổ chức và áp dụng được các kiến thức về tâm lý vào các hoạt động đó; vận dụng các kiến thức tâm lý quản lý vào công tác tổ chức,

công tác lãnh đạo. Bên cạnh đó, người học sẽ có khả năng tự định hướng và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp; có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực nhiệm vụ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đỗ Văn Đoạt, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Nguyễn Xuân Thúc, Dương Thị Hoàng Yến, *Giáo Trình Tâm Lý Học Quản Lý*, NXB Đại Học Sư Phạm, 2019.

[2] Nguyễn Thị Tuyết Mai, *Tập bài giảng tâm lý học quản lý*, NXB Lao Động, 2019.

3.66. Khởi nghiệp kinh doanh (67393)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003), Marketing căn bản (70013)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Khởi nghiệp kinh doanh, người học hiểu được tổng quan về khởi nghiệp kinh doanh, nhận diện được ý tưởng, cơ hội kinh doanh; biết cách soạn thảo và triển khai kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; phân tích môi trường và nhận diện được cơ hội kinh doanh; phân tích được những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của doanh nhân; lập được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo; giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm; phát huy tính khách quan trong việc đánh giá kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp; có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2020.

[2] Dương Công Doanh, *Giáo trình Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023.

3.67. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (68413)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, người học biết được những nội dung cơ bản về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán nợ phải thu - phải trả, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu; xác định và khái quát hóa vấn đề; phân tích được các thông tin; vận dụng kiến thức trên để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa* (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính), NXB Lao động, 2016.

[2] Bộ Tài chính, *Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp* (Ban hành theo Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20/6/2025 của Bộ Tài chính), NXB Tài chính, 2025.

3.68. Kiến tập thực tế (69671)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 0, 45, 0)

- Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 2 (69123), Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (68123)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kiến tập thực tế, người học biết được các vị trí, nội dung và yêu cầu về công việc thực tiễn thuộc chuyên ngành tại các đơn vị giúp tăng cường và củng cố lý thuyết đã học trên lớp; xác định và khái quát hóa vấn đề, tổng hợp, phân tích được các thông tin và đề xuất giải pháp; phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Quốc Khánh (Chủ biên), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Quốc gia, TP. HCM, 2023.

[2] Bùi hữu Phước (Chủ biên), *Tài Chính Doanh Nghiệp* (tái bản lần 2), NXB Kinh tế, 2020 .

[3] Quốc hội, *Luật ngân hàng nhà nước VN*, 2022.

[4] Quốc hội, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng*, 2017.

3.69. Chuyên đề cuối khóa (Tài chính - Ngân hàng) (69364)

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 180, 0)

- Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 2 (69123), Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (68123), Thẩm định tín dụng (69293), Kiến tập thực tế (69671)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Chuyên đề cuối khóa (Tài chính-Ngân hàng), người học vận dụng được kiến thức về tài chính, phân tích, thẩm định, nghiệp vụ ngân hàng, ... để thực hành các nghiệp vụ thực tế tại đơn vị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Quốc Khánh (Chủ biên), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Quốc gia, TP. HCM, 2023.

[2] Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Tài chính doanh nghiệp* (tái bản lần 2), NXB Kinh tế, 2020.

[3] Quốc hội, *Luật Ngân hàng nhà nước VN*, 2022.

[4] Quốc hội, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng*, 2017.

3.70. Đầu tư tài chính (69352)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đầu tư tài chính, người học biết được những kiến thức cơ bản về tài sản tài chính, đầu tư tài chính, đầu cơ, tỷ suất lợi nhuận, rủi ro; quy trình, nội dung khi phân tích đầu tư tài chính, cách xác định lợi nhuận, rủi ro trong phân tích đầu tư tài chính; kỹ năng xác định vấn đề, tổng hợp, phân tích được các thông tin; tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận; vận dụng kiến thức và kỹ năng để phân tích, đánh giá và ra quyết định tài chính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lý Tiểu Lai, *Đầu Tư Tài Chính Thông Minh*, NXB Công Thương, 2022.

[2] Đỗ Hồng Nhung (Chủ biên), *Giáo trình phân tích tài chính*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2021.

[3] Bodie, Kane, Marcus, *Đầu tư tài chính - Investment*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2019.

3.71. Tài chính cá nhân (69792)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tài chính cá nhân, người học biết được kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tín dụng tiêu dùng, bảo hiểm và các khoản đầu tư khác nhằm tối ưu tài chính cá nhân, kiến thức về đầu tư tài chính, vấn đề lợi nhuận và rủi ro, kiểm soát và hoạch định tương lai tài chính của khách hàng hoặc của cá nhân; vận dụng các kiến thức trên vào thực hành nghề nghiệp về thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, xây dựng và phát triển kế hoạch tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Hoàng Nam (chủ biên), *Giáo trình tài chính cá nhân*, NXB KHXH, 2022.

[2] Trần Ngọc Mai (biên dịch), *Quản Lý Tài Chính Cá Nhân Cho Người Trẻ* (Rachel Richards), NXB Công Thương, 2022.

[3] Bùi Đức Anh (biên dịch), *Nghệ thuật quản lý tài chính cá nhân* (Brian

Tracy), NXB Lao động, 2021.

[4] Võ Hoài Linh, *Giáo trình tài chính cá nhân*, NXB ĐH kinh tế quốc dân, 2023.

3.72. Khóa luận cuối khóa (Tài chính - Ngân hàng) (69396)

- Số tín chỉ: 6 TC (0, 0, 0, 0, 360)

- Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 2 (69123), Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (68123), Thẩm định tín dụng (69323), Kiến tập thực tế (69671)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Khóa luận cuối khóa (Tài chính-Ngân hàng), người học vận dụng được kiến thức về tài chính, phân tích, thẩm định, nghiệp vụ ngân hàng, ... để thực hành các nghiệp vụ thực tế tại đơn vị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Quốc Khánh (Chủ biên), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Quốc gia, TP. HCM, 2023.

[2] Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Tài chính doanh nghiệp* (tái bản lần 2), NXB Kinh tế, 2020 .

[3] Quốc hội, *Luật ngân hàng nhà nước VN*, 2022.

[4] Quốc hội, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng*, 2017.

3.73. Các học phần điều kiện ngoại ngữ

a) General English 1 (08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi hoàn thành học phần General English 1, người học hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

[2] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

b) General English 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)
- Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)
- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D)).

Sau khi hoàn thành học phần General English 2, người học hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

[2] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Giảng bài - Câu hỏi gợi ý
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	- <i>Luyện tập kỹ năng</i> - <i>Thực hành</i> - <i>Làm việc nhóm</i>
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	- <i>Thực tế</i>
Đồ án (ĐA)	Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	- <i>Tiểu luận, khóa luận</i>
Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Nghiên cứu tình huống</i> - <i>Rèn luyện</i>

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
I	Đánh giá quá trình													
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần											X	X	X
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ độc	X	X	X	X	X	X					X		X

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
	lập (tự học, kiểm tra với các hình thức)													
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm					x		x	x		x	x	x	
4	Đánh giá qua thảo luận, thuyết trình					x	x	x		x	x		x	
II	Đánh giá cuối kỳ													
1	Đánh giá qua kỳ thi kết thúc học phần	x	x	x	x	x								
2	Đánh giá qua thực hành, thực tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Đánh giá qua thực hiện tiểu luận, khóa luận			x	x	x		x	x		x	x	x	
III	Đánh giá khác													
1	Đánh giá qua hoạt động rèn luyện					x					x	x		

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Các ngân hàng	Trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp
2	Các doanh nghiệp	
3	Các đơn vị HCSN	

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 226.882,5 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 12,34 m²/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 76.592,515 m²/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	113	11.744
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	1.731
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	954
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	31	3.715
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.971
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	288
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	51	6.873
Tổng		165	22.858

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Tài chính - Ngân hàng

Số TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng máy vi tính	5	250	Máy vi tính	200	Thương mại điện tử
						Kỹ năng số

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy chương trình ngành Tài chính - Ngân hàng

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
-----	-----------	-----------	----------	--------------

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Lâm Thái Bảo Ngọc	Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
2	Nguyễn Minh Nhã	Phó Trưởng khoa	Tiến sĩ	Kế toán
3	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
4	Phạm Văn Ôn	Giảng viên	Tiến sĩ	Kinh tế
5	Hồ Nguyễn Diễm Tiên	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh nông nghiệp
6	Nguyễn Trọng Hải	Giảng viên	Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính
7	Dương Văn Hiếu	Trưởng khoa	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
8	Phạm Trần Ngọc Hương	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
9	Trần Phan Đoàn Khánh	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
10	Đào Thanh Nhân	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - ngân hàng
11	Nguyễn Anh Tuấn	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng
12	Đặng Thị Mỹ Dung	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - ngân hàng
13	Đặng Thị Hồng Phượng	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - ngân hàng
14	Bùi Vĩnh Thanh	Giảng viên	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng
15	Phạm Quốc Thịnh	Phó trưởng phòng	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh
16	Nguyễn Thị Thảo	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Triết học
17	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Giảng viên	Thạc sĩ	LL và PP dạy bộ môn Tiếng Anh
18	Huỳnh Thị Ngọc Phượng	Phó Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ	Kinh tế (Kế toán)
19	Nguyễn Hoàng Thơ	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
20	Lê Thị Trúc Mai	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
21	Nguyễn Lê Thùy Liên	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán
22	Ngô Thanh Phong	Phó Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
23	Trần Quang Khôi	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp
24	Nguyễn Ngọc Khánh	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế học
25	Võ Thị Thủy Vãn	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế Nông nghiệp
26	Lê Hoàng Ân	Phó Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
27	Lê Hồng Phượng	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
28	Võ Xuân Hưởng	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
29	Võ Thị Thu Thảo	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
30	Lương Hồng Thanh	Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục quốc phòng - An ninh
31	Tăng Phú Đức	Phó Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
32	Bùi Quang Thịnh	Phó Trưởng phòng phụ trách	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
33	Nguyễn Thanh Nhã	Phó Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ	Toán giải tích
34	Võ Duy Minh	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê
35	Nguyễn Thị Thùy Trang	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
36	Mai Thị Lan Phương	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Luật Quốc tế và so sánh
37	Lý Thiên Trang	Phó Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
38	Lê Thị Sơn	Trưởng khoa	Tiến sĩ	Triết học
39	Nguyễn Giang Lam	Phó Trưởng khoa	Tiến sĩ	Tâm lí học

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Nguyễn Thị Đậm		Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng
2	Phạm Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng
3	Nguyễn Kim Thoa		Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng
4	Trần Thị Ngọc Hương		Thạc sĩ	Kế toán

c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Phạm Văn Thi	Chuyên viên	Thạc sĩ	Kinh tế
2	Lê Hoàng Vân Trang	Chuyên viên	Thạc sĩ	QTKD
3	Phan Huy Lâm	Chuyên viên	Thạc sĩ	Luật kinh tế
4	Ngô Thị Loan	Chuyên viên	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
5	Lê Anh Khoa	Chuyên viên	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
6	Tổng Lê Thanh Hải	Chuyên viên	Thạc sĩ	Khoa học máy tính

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Chương trình môn học tiếng Anh: Sinh viên phải đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành tại Quyết định số 529/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến 2020, định hướng đến 2025 (Quyết định số 252/QĐ-TTg)
- Nghị quyết số 78/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020; tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định 142/QĐ-TTg)
- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học.
- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

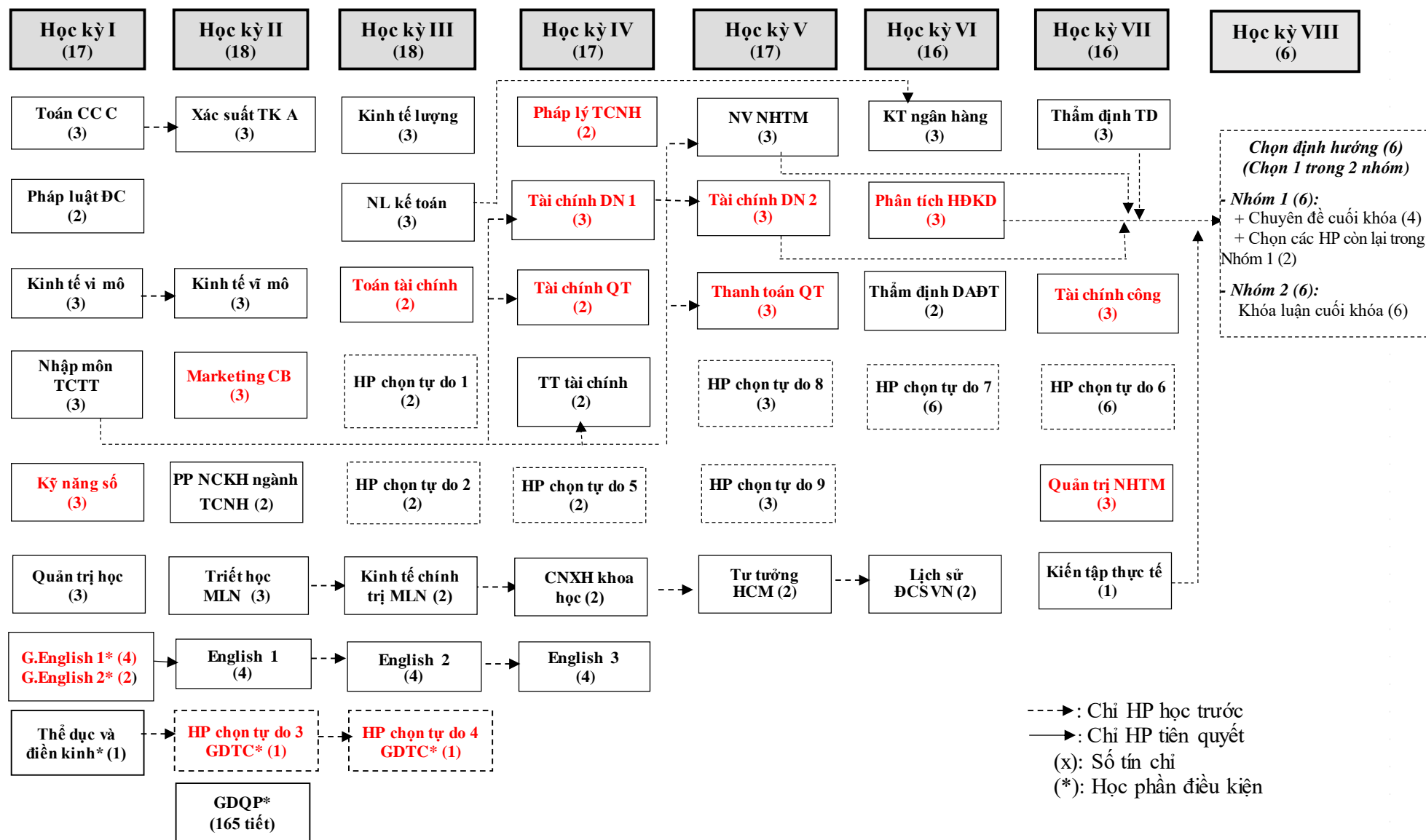
10.2. Thông tin kiểm định

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học đã đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo năm 2024./.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Tài chính - Ngân hàng



PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTĐT**

HK	TT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
	17		Giáo dục quốc phòng và an ninh*	x				x								
	18	66063	Kinh tế vĩ mô		x			x					x	x		
III	19	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x				x		x			x	x		
	20	15362	Kỹ năng giao tiếp	x						x		x	x			
	21	11992	Kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp	x						x		x	x	x		
	22	11902	Con người và môi trường	x				x						x		
	23	69032	Tài chính xanh	x		x		x					x	x	x	
	24	08034	English 2						x							x
	25	68063	Nguyên lý kế toán		x	x		x		x				x		
	26	69092	Toán tài chính			x				x				x		
	27	66093	Kinh tế lượng		x	x		x						x	x	x
	28	12441	Bóng chuyền 2*	x												
	29	12481	Cầu lông 2*	x												
	30	12281	Đá cầu 2*	x												
	31	12461	Bóng rổ 2*	x												
		32	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x				x					x	x	
	33	08044	English 3						x							

HK	TT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
IV	34	68782	Nguyên lý thống kê kinh tế		x			x					x	x	
	35	66102	Kinh tế quốc tế		x			x					x		
	36	68112	Thị trường tài chính		x	x		x		x			x	x	x
	37	69132	Tài chính quốc tế			x		x		x			x	x	
	38	69103	Tài chính doanh nghiệp 1			x		x		x			x	x	x
	39	69572	Pháp lý tài chính ngân hàng		x			x		x			x	x	x
V	40	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x							x
	41	69123	Tài chính doanh nghiệp 2			x		x		x			x	x	x
	42	68213	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại			x		x		x		x	x	x	x
	43	69043	Thanh toán quốc tế			x		x	x	x			x	x	x
	44	67343	Thương mại điện tử	x	x		x			x	x	x	x	x	x
	45	68122	Kế toán quản trị		x			x				x	x	x	x
	46	68252	Kiểm toán 1		x			x		x			x	x	x
	47	69372	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng		x					x			x		x
	48	68002	Thống kê doanh nghiệp		x			x		x			x		x
	49	67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh	x	x						x		x		
	50	67393	Khởi nghiệp kinh doanh		x		x	x				x	x	x	x

HK	TT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	51	68413	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ		x			x					x	x	x
VI	52	03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x							x
	53	68023	Phân tích hoạt động kinh doanh	x		x	x	x	x	x			x	x	
	54	69172	Thẩm định dự án đầu tư	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
	55	68052	Ngân hàng trung ương			x		x			x		x	x	
	56	69282	Marketing ngân hàng		x					x	x		x	x	x
	57	69772	Tài chính vi mô			x		x		x			x	x	x
	58	69872	Công nghệ tài chính			x		x		x			x	x	
	59	68323	Kế toán ngân hàng		x	x		x		x			x	x	x
	VII	60	69193	Quản trị ngân hàng thương mại	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
61		69253	Tài chính công		x	x		x		x			x	x	x
62		69323	Thẩm định tín dụng	x		x	x	x		x	x		x	x	x
63		69112	Thị trường chứng khoán			x				x			x	x	
64		69343	Quản trị rủi ro tài chính	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
65		69272	Bảo hiểm		x			x		x	x		x	x	
66		69472	Định giá tài sản			x		x		x			x	x	x
67		69672	Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng	x		x		x		x	x		x	x	x

HK	TT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
	68	69671	Kiến tập thực tế	x		x	x	x		x	x		x	x	x
VIII	69	69364	Chuyên đề cuối khóa (Tài chính-Ngân hàng)	x	x	x	x	x		x			x	x	x
	71	69352	Đầu tư tài chính			x		x		x			x	x	x
	72	69792	Tài chính cá nhân			x		x		x			x	x	x
	73	69396	Khóa luận cuối khóa (Tài chính-Ngân hàng)	x	x	x	x	x		x			x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo./.